

LƯ VĨ AN\*

## QUAN NIỆM TÔN GIÁO VỀ THIÊN TAI THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

**Tóm tắt:** Ở Trung Đông và châu Âu thời cổ - trung đại, các thiên tai như lũ lụt và động đất thường xuyên xảy ra, tác động rất lớn đến đời sống xã hội. Do những hiểu biết của con người thời bấy giờ về nguồn gốc và nguyên nhân dẫn tới thiên tai còn nhiều hạn chế, sự diễn giải thần học lý giải căn nguyên của thiên tai dưới lăng kính của các tôn giáo giữ vai trò rất đáng chú ý. Các quan niệm tôn giáo thời cổ - trung đại và sơ kỳ cận đại cho rằng thiên tai xảy ra là do sự trừng phạt của các vị thần linh, Thiên Chúa và Thượng đế Allah đối với tội lỗi của con người, hoặc do những thế lực siêu nhiên khác gây ra. Các quan niệm thần học này cũng chỉ dẫn cách thức và biện pháp ứng phó với thiên tai. Bài viết tìm hiểu quan niệm của một số tôn giáo ở Lương Hà, Hy Lạp cổ đại và Kitô giáo, Islam giáo thời Trung đại trong việc giải thích nguồn gốc của thiên tai. Bên cạnh đó, tác giả cũng phân tích những cách thức mà các tôn giáo đưa ra để ứng phó với thiên tai thời kỳ này.

**Từ khóa:** Quan niệm tôn giáo, niềm tin tôn giáo, thiên tai, lũ lụt, động đất, Kitô giáo, Islam giáo

### Mở đầu

Vào thời cổ-trung đại, khi nhận thức của con người về môi trường sống xung quanh còn nhiều hạn chế, nguyên nhân dẫn tới thiên tai như động đất, núi lửa, sóng thần, lũ lụt, hạn hán, nạn đói và các hiện tượng như nhật thực, nguyệt thực đều được cho là do các thế lực siêu nhiên gây ra. Những diễn giải về nguồn gốc thiên tai dưới lăng kính của các tôn giáo ở Trung Đông và Hy Lạp thời cổ đại cũng như theo đức tin Kitô

---

\* Đại học Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ (luvianbt@gmail.com; İstanbul Üniversitesi.

ORCID: <https://orcid.org/0000-0002-3726-0020>

Ngày nhận bài: 29/12/2023; Ngày biên tập: 3/1/2024; Duyệt đăng: 15/4/2024.

giáo và Islam giáo thời trung đại sẽ giúp chúng ta phần nào hiểu được nhận thức và cách thức xã hội loài người phản ứng với thiên tai trong quá khứ. Trên cơ sở tham khảo những nghiên cứu của các học giả phương Tây và Thổ Nhĩ Kỳ về quan niệm của tôn giáo đối với thiên tai trong lịch sử như: Andrew B. Appleby (1980), “Epidemics and Famine in the Little Ice Age”; Anna Akasoy (2007), “Islamic Attitudes to Disasters in the Middle Ages: A Comparison of Earthquakes and Plagues”; Bas van Bavel - et al. (2020), *Disasters and History: The Vulnerability and Resilience of Past Societies*; Elaine Fulton (2011), “Acts of God: The Confessionalization of Disaster in Reformation Europe”; Manuel Berberian (2014), “Earthquakes and Religious Thoughts”..., bằng phương pháp tổng hợp và nghiên cứu so sánh, bài viết giới thiệu một góc nhìn mới về thiên tai theo cách tiếp cận của tôn giáo.

### **1. Nguồn gốc thiên tai trong quan niệm của tôn giáo thời cổ-trung đại**

Trong lĩnh vực nghiên cứu thiên tai, thảm họa, các yếu tố văn hóa đang ngày càng được quan tâm nhiều hơn. Thế giới quan, thái độ và phong tục định hình khả năng của các cộng đồng xã hội trong việc ứng phó với thiên tai. Trong đó, vai trò đa diện của tôn giáo cũng được thể hiện rõ rệt. Niềm tin tôn giáo có thể định hình cách thức mỗi cá nhân cũng như cộng đồng nhìn nhận về thiên tai, thảm họa và các mối nguy hiểm, cú sốc gây ra bởi tự nhiên. Theo lý giải của hầu hết các tôn giáo từ thời cổ đại đến trung đại, thiên tai được xem là sự trừng phạt của thần linh đối với những hành vi sai trái của con người hoặc là sự thử thách về đức tin [Bas van Bavel, 2020: 100].

#### **1.1. Thời cổ đại**

Việc xem xét những câu chuyện thần thoại, phản ánh cách con người thời cổ đại nhận thức về thế giới mà họ sinh sống giúp chúng ta hiểu được vị trí của thiên tai trong đời sống tôn giáo thời kỳ này, bởi sự phát triển của thần thoại và hệ thống tín ngưỡng được lấy cảm hứng từ những tác động đáng kể của thiên tai đối với nhân loại. Thiên tai được xem là cách trừng phạt và hủy diệt loài người của các vị thần cũng phần nào có liên quan đến thuyết mặt thế (eschatology) [Yeşim Dilek, Özge Kahya, 2023: 821].

Các nền văn minh ở Trung Đông cũng như Hy Lạp-La Mã cổ đại đều xem thiên tai là lời cảnh báo được các vị thần gửi đến để phán xét và trừng phạt con người. Trong đó, đáng chú ý nhất là huyền thoại về đại hồng thủy của người Lưỡng Hà (Mesopotamia). Các nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà đều hình thành và phát triển ở lưu vực các dòng sông lớn như sông Nile, sông Tigris và Euphrates nên cư dân các nơi này thường xuyên phải đối mặt với lũ lụt. Vì vậy, huyền thoại về đại hồng thủy được cho là đã kết nối với đời sống xã hội của người Lưỡng Hà. Huyền thoại này có thể được tìm thấy trong một bản thảo có niên đại từ thế kỷ XVII trước Công nguyên viết bằng chữ hình nêm - một loại văn tự điển hình của Lưỡng Hà cổ đại. Nó bao gồm hai phần: phần đầu kể về thế giới trước khi con người xuất hiện, phần thứ hai nói về sự gia tăng của con người theo cấp số nhân, trận đại hồng thủy và sự trở lại cân bằng sau đó giữa thần thánh và con người [D. Grandjean, A. C. Rendu, T. MacNamee, K. R. Scherer, 2008: 188-189]. Huyền thoại về đại hồng thủy của người Lưỡng Hà rất có thể liên quan tới trận đại hồng thủy và con thuyền của Nô-ê (Noah) được nhắc tới trong *Sách Sáng thế* của kinh Thánh Cựu ước.

Thần thoại Hy Lạp cũng có câu chuyện về lũ lụt. Theo đó, lũ lụt là do thần Zeus tạo ra để đuổi loài người ra khỏi trái đất vì những hành vi sai trái của họ. Nhà thơ La Mã Ovid (Ovidius), trong tập thơ kể chuyện *Metamorphoses* (Sách về sự biến đổi) đã giải thích lý do trái đất chìm trong những cơn sóng: “Chúng tộc đó khinh thường các vị thần, khát máu và bạo lực. Họ rõ ràng là những đứa con của máu” [Yeşim Dilek, Özge Kahya, 2023: 823]. Những lời giải thích như vậy gần như là chuẩn mực khi lý giải về nguyên nhân dẫn tới lũ lụt ở thời cổ đại. Ngoài ra, theo nhà sử học Herodotus, người được mệnh danh là “cha đẻ của lịch sử”, trận sóng thần được ghi nhận sớm nhất vào năm 479 trước Công nguyên là do thần biển cả Poseidon tạo ra để trừng phạt người Ba Tư vì họ đã bao vây Potidaea [Dónal P. O’Mathúna, 2018: 27].

Động đất, không giống với những thiên tai khác, là tai họa không thể dự đoán được. Các tri thức và chiêm nghiệm tự nhiên của loài người thời cổ-trung đại không thể giải thích được nguyên nhân gây ra động đất. Vì vậy, các nền văn minh cổ đại thường viện dẫn các vị thần và thế

lực siêu nhiên để giải thích nguồn gốc và bản chất của động đất. Trong số các thư từ của hoàng gia thời kỳ Sargonid ở Assyria cổ đại (722-626 TCN), người ta đã tìm thấy những văn bản tiên tri về các thảm họa động đất. Theo đó, nếu xảy ra tai họa động đất thì đó là lời cảnh báo của thần linh dành cho nhà vua. Nhà vua phải “mở tai ra và lắng nghe” những điều thần linh nói. Để ngăn chặn điềm xấu, nhà vua phải thực hiện nghi lễ Namburbi - được biết tới là nghi lễ dự phòng tai ương dưới dạng các thần chú huyền diệu. Trong tín ngưỡng Luỡng Hà, Namburbi là một nghi lễ bảo vệ chống lại tai họa được thần Ea (vị thần tạo ra động đất) chứng giám. Thần Ea vừa tạo ra động đất nhưng đồng thời cũng bảo vệ con người khỏi thiên tai này [E. Mandacı, 2020: 103-104].

Theo quan niệm của người Hy Lạp cổ đại, động đất gây ra bởi Poseidon, vị thần được xem là đáng sợ nhất Olympus (Ólympos). Trong số các vị thần trên đỉnh Olympus, Poseidon là vị thần tượng trưng cho biển cả và cũng là đáng tạo ra động đất. Khi cây đinh ba của Poseidon chạm đất, nó làm rung chuyển mặt đất và đảo lộn biển cả. Đó là lý do mà Poseidon còn được gọi là Enosigaios (Ενοσίγαιος), nghĩa là ‘đáng làm rung chuyển trái đất’ [Rosa Agizza, 2001]. Theo sử thi Iliad và Odyssey của thi hào Homer, Poseidon là vị thần biển cả có sức mạnh gây ra động đất cũng như những cơn bão dữ dội làm phá hủy thuyền bè của Odysseus. Homer gọi ông là ‘vị thần động đất vĩ đại’, ‘vị thần làm rung chuyển lục địa’ và nói rằng khi Poseidon bước đi, núi và cây cối đều rung chuyển [Homer, 1990]. Sử gia Thucydides cũng đề cập đến vai trò của Poseidon như một đáng thần linh làm rung chuyển mặt đất. Vào năm 464 trước Công nguyên, Sparta đã trải qua một trận động đất thảm khốc khiến phần lớn thành phố bị đổ nát, 20.000 người Sparta thiệt mạng và dẫn tới cuộc nổi dậy của những kẻ phản loạn với sự hỗ trợ từ người Messenia. Theo Thucydides, người Sparta đã bắt và giết những người nô lệ đang cầu xin sự trợ giúp từ bàn thờ của thần Poseidon, do đó người ta tin rằng trận động đất lớn ở Sparta là sự trừng phạt đến từ Poseidon. Người Hy Lạp xem đó là lời giải thích hợp lý duy nhất cho sức mạnh hủy diệt của trận động đất, bởi nó bộc lộ con thịnh nộ của vị thần [Yeşim Dilek, Özge Kahya, 2023: 825]. Quan niệm thần Poseidon là nguồn gốc động đất theo các

lý giải này cho thấy người Hy Lạp cổ đại thường xuyên đối mặt với thảm họa này và họ đã cố gắng tìm hiểu căn nguyên như một sự trừng phạt có ý nghĩa cảnh báo.

Bên cạnh động đất, huyền thoại Hy Lạp về sự nhấn chìm lục địa Atlantis, một câu chuyện có sự kết hợp của cả hai yếu tố thiên tai là động đất và lũ lụt cũng rất đáng chú ý. Triết gia Plato mô tả trong tác phẩm *Critias* rằng Atlantis một thời từng là vùng đất trù phú đã chìm dưới đáy biển sau một loạt trận động đất. Khi thế giới bị phân chia giữa các vị thần, Atlantis thuộc về Poseidon, vị thần của biển cả. Ông đã nuôi dạy con cháu của mình ở đó với một người phụ nữ phạm trần. Vì thường xuyên hòa mình với yếu tố trần tục nên tia sáng thần thánh bên trong họ khô héo, kết quả là những đặc điểm của con người cuối cùng đã chiếm ưu thế và người dân Atlantis cư xử đầy tội lỗi. Zeus đã quyết định trừng phạt để khiến họ khôn ngoan trở lại. Do đó, biển đã nuốt chửng Atlantis và những trận động đất với lũ lụt khiến nó biến mất hoàn toàn [Yeşim Dilek, Özge Kahya, 2023: 825].

Tóm lại, theo quan niệm của các tôn giáo ở Trung Đông và Hy Lạp cổ đại, giữa con người và thần thánh luôn duy trì mối liên kết. Khi con người tuân theo mệnh lệnh và chỉ dẫn của thần linh, các vị thần sẽ đáp lại bằng những phần thưởng, lợi ích và phước lành. Sự không vâng lời sẽ phá vỡ mối liên kết với thần thánh, kéo theo đó là sự trừng phạt. Thiên tai và thảm họa có thể được xem là cảnh báo của thần thánh dành cho con người khi họ đang đi sai đường. Con người sau khi ý thức được tội lỗi của mình phải chủ động thực hiện các biện pháp để thoát khỏi hình phạt bằng cách nhận tội và cúng tế chuộc tội để thay đổi hành vi sai trái.

## **1.2. Thời trung đại**

### **1.2.1. Đối với Kitô giáo**

Trong suốt thời trung đại cho đến sơ kỳ cận đại, khi đức tin Kitô ảnh hưởng rộng khắp châu Âu, các quan niệm về nguồn gốc thiên tai đã được diễn giải dưới góc nhìn của thần học Kitô. Ngay từ thuở ban sơ, kinh Thánh đã có rất nhiều ghi chép về thiên tai và thảm họa. Trong số đó, được biết tới nhiều nhất là huyền thoại về trận đại hồng thủy và con

thuyền của Noah được nhắc tới trong sách *Sáng thế* cùng với mười tai ương, dịch bệnh giáng xuống Ai Cập thời thiên sứ Moses được đề cập trong sách *Xuất hành*. Những tai họa này đã được Thiên Chúa gửi xuống trần gian để phán xét tội lỗi của con người - được hiểu là sự lầm lạc về mặt đạo đức, lối sống và hành động của con người không theo những cách mà Thiên Chúa đã tuyên bố là tốt nhất [Dónal P. O'Mathúna, 2020: 30]. Ngoài ra, trong sách *Khải huyền* của kinh Tân ước có ghi chép rất rõ ràng về sự mặc khải thiêng liêng được ban cho Thánh John. Khi mở ấn thứ sáu, Thánh John thấy “một trận động đất lớn. Mặt trời trở nên tối đen như tấm vải bố làm từ lông dê, Mặt trăng chuyển sang màu đỏ như máu, các vì sao trên trời rơi xuống đất... Bầu trời biến mất như một xấp giấy cuộn tròn và mọi ngọn núi, hòn đảo đều bị dời khỏi vị trí của nó”<sup>1</sup>. Chính Đấng Christ cũng đã đưa ra lời cảnh báo tương tự: “Sẽ có nạn đói và động đất ở nhiều nơi. Tất cả những điều này là sự khởi đầu của những cơn đau chuyển dạ”<sup>2</sup>.

Ở châu Âu thời trung đại và sơ kỳ cận đại, tôn giáo đã trở thành một lực lượng tinh thần mạnh mẽ lan tỏa hầu hết mọi khía cạnh của đời sống xã hội. Mặc dù, nhận thức và lý giải khoa học về các quy luật tự nhiên không hề vắng bóng, nhưng thời bấy giờ người ta vẫn có xu hướng gán những thiên tai, thảm họa như lũ lụt và động đất tàn khốc cho Thiên Chúa. Thiên tai xảy ra là do sự răn đe và trừng phạt của Chúa, để từ đó chuyển sang cầu nguyện và thực hành các nghi lễ tôn giáo nhằm được cứu rỗi. Những diễn biến thiên tai khó lường và hiện tượng tự nhiên khắc nghiệt đều được xem là những lời cảnh báo thiêng liêng. Ví dụ, trận động đất xảy ra ở Chilterns (Anh) năm 1250 được tu sĩ dòng Benedictine là Matthew Paris cho là “bất thường, không tự nhiên” và là “dấu hiệu của các biến cố trong tương lai”, trong khi sự xuất hiện của Mặt trăng máu là điềm báo trước của biến động và lũ lụt cùng năm đó. Tương tự, sự biến động quỹ đạo của các hành tinh được cho là nguyên nhân gây ra lũ lụt ở Florence năm 1333, cũng như các trận động đất và nhật thực, nguyệt thực sau đó đều có liên quan đến sự xuất hiện của đại dịch “cái chết đen”<sup>3</sup> [Christopher M. Gerrard, David N. Petley, 2013: 1062].

Trên thực tế, hàng loạt diễn biến thiên tai ở châu Âu vào thời trung đại và sơ kỳ cận đại có liên quan chặt chẽ với thời kỳ biến đổi khí hậu

gọi là Tiểu Băng hà (Little Ice Age)<sup>4</sup>. Tác động của Tiểu Băng hà đạt đến đỉnh điểm vào cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII khiến cho nhiệt độ trung bình giảm, mùa đông khắc nghiệt kéo dài. Theo nhà khí hậu học lịch sử Christian Pfister [2007: 47-48], người dân châu Âu thời kỳ này thường xuyên phải đối mặt với sự suy thoái khí hậu rõ rệt, trong đó có những đợt thời tiết giá lạnh vào các năm 1565-1574, 1583-1589 và 1623-1628, thậm chí cả những năm không có mùa hè vào năm 1587 và 1628. Ngoài ra, trong thời kỳ Tiểu Băng hà, khí hậu cũng trở nên ẩm ướt hơn [Wolfgang Behringer, 1995: 9]. Biến đổi khí hậu và thời tiết khắc nghiệt đã tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, làm suy giảm sản lượng lẫn chất lượng của các vụ thu hoạch. Không chỉ vậy, thời kỳ đỉnh cao của Tiểu Băng hà cũng làm gia tăng tần suất xuất hiện thiên tai như lũ lụt và bão. Một số nghiên cứu ước tính số lượng các cơn bão nghiêm trọng trên bờ biển Flemish đã tăng vọt 400% vào nửa sau thế kỷ XVI, trong khi trận lũ lụt khét tiếng All Saints xảy ra vào ngày 1/11/1570 đã cướp đi sinh mạng của khoảng 3.000 người ở vùng đất thấp (Hà Lan) [Christian Pfister, Rudolf Brázdil, 1999: 31]. Do tác động của biến đổi khí hậu và những diễn biến thiên tai nói trên, những năm 1550-1700 là thời kỳ xảy ra cuộc khủng hoảng lớn với tỷ lệ tử vong cao, đặc biệt, khi so sánh với các thế kỷ tiếp theo [Andrew B. Appleby, 1980: 645].

Tuy nhiên, với hầu hết người dân châu Âu thế kỷ XVI và XVII, việc phân tích có hệ thống các xu hướng khí hậu đáng lo ngại và diễn biến thiên tai thảm khốc như lũ lụt, động đất vẫn còn ở giai đoạn phôi thai, cho nên, bất kỳ lý giải nào về nguyên nhân dẫn tới những hiện tượng này đều phụ thuộc vào quan niệm rằng, chính Chúa và chỉ có Chúa, bằng cách điều khiển thế giới tự nhiên, mới có thể tạo ra thiên tai. Bài thuyết giảng đầu tiên trong số hai bài giảng của Giám mục Vienna là Johann Neubeck sau trận động đất làm rung chuyển thành phố ngày 25/9/1590 là một ví dụ tiêu biểu cho quan niệm này. “Thiên nhiên là một khế ước và công cụ của Chúa, do đó thiên nhiên là nguyên nhân thứ yếu; Chúa là nguyên nhân chính yếu (causa prima). Thiên nhiên là tôi tớ của Chúa, nhưng Chúa là Chúa tể, Đấng điều hành và ra lệnh cho các tác động, việc làm của thiên nhiên theo ý

muốn của Ngài, vì Ngài là Cha và là Chúa tể của nhà Ngài” [Elaine Fulton, 2011: 55]. Những quan niệm như vậy cũng được chia sẻ trong phạm vi tòa giải tội. Chẳng hạn vào năm 1578, Matthaeus Bader, người viết niên lịch Lutheran đã lý giải theo cách tương tự: “Thiên Chúa là Chúa tể toàn năng, không bị ràng buộc bởi những nguyên nhân thứ yếu, nên mọi thứ phải diễn ra theo tự nhiên chứ không phải theo cách khác. Đúng hơn, Ngài là một Đấng chủ quản tự do làm việc cùng thiên nhiên và không có thiên nhiên” [C. Scott Dixon, 1999: 415]. Sau trận động đất làm rung chuyển miền nam nước Anh ngày 6/4/1580, nhà thơ và giáo sĩ Anh giáo Abraham Fleming đã dịch các tác phẩm của Giám mục Vienna Friedrich Nausea để giải thích cho độc giả Anh quốc về nguyên nhân của trận động đất kịch tính mà họ vừa trải qua. “Đó là theo ý muốn và sự chỉ định của Thiên Chúa toàn năng, nếu không có sự răn dạy và chịu đựng của Ngài thì những điều đó sẽ không xảy ra, dù là do bản chất, trái với tự nhiên hoặc cao hơn tự nhiên” [Elaine Fulton, 2011: 56].

Trong đức tin của người dân châu Âu thời trung đại và sơ kỳ cận đại, Thiên Chúa với lòng thương xót của Ngài thường cho phép con người hưởng thụ sự xa hoa của thế giới tự nhiên. Song, đôi khi Ngài chọn cách thay đổi hoàn toàn và đột ngột môi trường tự nhiên để truyền thông điệp cho con người tội lỗi, tự mãn và thiếu hiểu biết, đôi khi thông qua sự xuất hiện của các kỳ quan thiên nhiên như sao chổi hoặc những ca sinh nở ‘quái dị’, hoặc thiên tai như lũ lụt và động đất. Do đó, thế giới vật chất và tâm linh của châu Âu thời kỳ này được mô tả như một “vũ trụ được đạo đức hóa”, trong đó thông điệp của Chúa được giải thích bởi tất cả các giáo sĩ, bất kể hình thức xưng tội của họ, luôn giống nhau về quan niệm hãy ăn năn và sám hối vì ngày tận thế đang tới gần [Robert Scribner, 1997: 75-92]. Kết quả là trong tâm trí của người dân lúc bấy giờ, tất cả những dấu hiệu và điều huyền nhiệm đến từ trái đất, biển và bầu trời đều là điềm báo của ngày phán xét.

Đối với những người theo phái Kháng cách (cải cách kháng nghị), trong đó có mục sư người Đức Martin Luther, khi viết những diễn giải về sự sa ngã của Adam ở vườn địa đàng được nói đến ở *Sách Sáng thế* đã lưu ý rằng, sự gia tăng ngày càng nhiều của các trận động đất và

bão là dấu hiệu cho thấy ngày tận thế sắp xảy ra. Sự sa ngã của nhân loại thành một “bản chất hư hỏng” (*natura corrupta*), trong đó thế giới tạo vật sẽ suy tàn và ngày càng ốm yếu hơn khi cái kết càng đến gần [Michael Kempe, 2003: 152]. Trong các văn bản tôn giáo và lệnh thánh thế kỷ XVI, những lời tiên đoán về tận thế ngày càng phổ biến. Người ta đặc biệt nhấn mạnh năm 1588 có khả năng là một năm chết chóc. Tác giả của một cuốn niên lịch đã dự đoán rằng: “Một sự thay đổi lớn sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ thế giới. Thứ nhất, sẽ có những cơn bão, động đất và lũ lụt khủng khiếp, phá hủy mùa màng và gây ra bất hạnh. Thứ hai, từ đó sẽ có lạm phát, nạn đói và dịch bệnh” [C. Scott Dixon, 1999: 410]. Thế rồi khi năm 1588 đến và trôi qua mà không có ngày tận thế như tiên đoán, người ta lại biện luận rằng hoặc các nhà chiêm tinh với sự yếu đuối của con người đã không thể giải thích chính xác tâm trí thiêng liêng của Chúa, hoặc rằng Chúa với lòng thương xót của Ngài đã ban thêm một chút thời gian cho nhân loại tội lỗi để ăn năn sám hối [Elaine Fulton, 2011: 57].

Như vậy, theo cách lý giải này, các thiên tai và thảm họa thiên nhiên thời trung đại và sơ kỳ cận đại không chỉ đơn giản là dấu hiệu cơn thịnh nộ hủy diệt thế giới của Chúa, mà còn là sự kiên nhẫn đầy yêu thương của Ngài bằng cách đảo ngược trật tự tự nhiên, gây ra thiên tai như lời kêu gọi nhân loại ăn năn, sám hối trong khi thời gian chờ đợi sự phán xét cuối cùng vẫn còn. Các bài rao giảng về vấn đề xung tội ở châu Âu thời kỳ này phản ánh rất rõ quan niệm trên. Theo bài thuyết giảng của giám mục Friedrich Nausea, “Tội lỗi của con người thật ghê tởm, khi những tai họa Chúa gửi đến thật tàn khốc: rằng hành vi phạm tội của con người thật bản thủ, khi những biểu hiện cơn thịnh nộ của Ngài thật phi thường. Vì vậy, chúng ta hãy cúi đầu thể xác và linh hồn mình dưới vương trượng ân sủng của Chúa, kéo bỏ qua thời điểm thích hợp của tình yêu, ngày thịnh nộ đang đến gần, và Ngài sẽ đến với cây gậy sắt đầy quyền năng của mình và đánh tất cả chúng ta thành tro bụi”<sup>5</sup>. Đối với Lucas Osiander, mục sư Kháng cách ở Esslingen, Tây Nam nước Đức, trận động đất vừa xảy ra gây rung chuyển khắp khu vực được xem vừa là lời cảnh báo của Chúa vừa là bài thuyết giáo từ chính Trái đất kêu gọi sự ăn năn. Osiander đề

cập đến chương 20 của *Lê-vi ký* như một cách nhắc nhở đến tội lỗi tình dục của các giáo dân [Elaine Fulton, 2011: 57]. Những quan niệm tương tự cũng được diễn giải trong các bài thuyết giảng của Anh giáo. Chẳng hạn, theo bài giảng của giáo sĩ xứ Wales là Hugh Roberts ở Sussex năm 1598, “luôn có bệnh dịch, luôn có tai họa... thường xuyên khi chúng xảy ra trên thế giới, đều là bài thuyết pháp để ăn năn cho tất cả những ai nhìn thấy chúng hoặc nghe thấy chúng... một kinh ký niệm để mỗi người nhìn lại chính mình và kêu gọi hồi tưởng đến tội lỗi của mình, biết rằng cũng chính Thiên Chúa sẽ trừng trị mọi tội lỗi và sự vi phạm của loài người, Ngài sẽ đánh bằng bàn tay nặng nề hơn, nếu lời cảnh báo và tấm gương về công lý của Ngài không được coi trọng” [Alexandra Walsham, 1999: 116].

Tuy nhiên, song song với quan niệm tôn giáo, ở châu Âu thời trung đại và sơ kỳ cận đại vẫn tồn tại niềm tin hai mặt về nguồn gốc của thiên tai và các thảm họa tự nhiên. Dựa trên lý giải của Aristoteles trong *Meteorologia* (Khí tượng học) về nguyên nhân động đất có liên quan đến sự di chuyển của gió ở bên trong Trái đất, vào thời Trung cổ, bên cạnh các lời giải thích siêu nhiên từ tôn giáo, yếu tố tự nhiên gây ra thiên tai và các mối hiểm họa cũng thường được viện dẫn. Ví dụ điển hình là diễn giải của Konrad von Megenberg vào thế kỷ XIV về nguồn gốc của động đất. Ông viết rằng: “Động đất phát sinh từ thực tế là trong các hang động dưới lòng đất và đặc biệt là những hang động trong các ngọn núi rỗng. Hơi đất tích tụ và đôi khi tập hợp với khối lượng khổng lồ đến mức các hang động không thể chứa chúng được nữa. Chúng đập vỡ các vách tường của hang động nơi chúng đang ở và tiến vào một hang động khác cho đến khi lấp đầy mọi khoảng trống trên núi... Nếu không thể chạm tới bề mặt, chúng sẽ gây ra những trận động đất lớn [Christopher M. Gerrard, David N. Petley, 2013: 1062].

Như vậy, những lời giải thích ‘khoa học’ không nhất thiết mâu thuẫn với niềm tin tôn giáo về sự liên quan của thần thánh và quan điểm hai mặt về các biến cố thiên tai bao gồm cả cách giải thích tự nhiên và siêu nhiên không phải là hiếm ở châu Âu thời bấy giờ. Điều này cho thấy vai trò xuyên suốt của khoa học và tôn giáo trong xã hội châu Âu thời trung đại.

### 1.2.2. Đối với Islam giáo

Vào thời trung đại, trong khi châu Âu xảy ra nhiều thiên tai như lũ lụt, bão và động đất, thì ở khu vực Trung Đông, thảm họa xảy ra nhiều nhất là động đất. Các trận động đất mạnh gây thiệt hại nặng nề được biết tới nhiều nhất ở Syria, Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư (Iran). Vì vậy, trong đức tin của Islam giáo, những diễn giải thần học về nguồn gốc của động đất tương đối phổ biến hơn các thiên tai khác. Đối với người Ả Rập, thời kỳ trước khi có Islam được gọi là “Jahiliyya”, nghĩa là sự thiếu hiểu biết. Vì vậy, có rất ít huyền thoại về động đất được lưu truyền ở Ả Rập. Những giải thích của tín đồ Islam giáo về động đất được tìm thấy trong các văn bản tôn giáo có niên đại từ thế kỷ VII trở đi. Họ cho rằng động đất là: “i) Ý chí và sự định trước của Thánh Allah; chúng xảy ra thông qua sắc lệnh của Allah nhân từ và từ bi, do đó, chắc chắn phải được chấp nhận thông qua sự tin cậy; ii) Lời khuyên răn của Thánh Allah dành cho các tín đồ, là dấu hiệu phần nộ và trừng phạt những kẻ có hành vi sai trái vì tội lỗi và sự lệch lạc của họ như ngoại tình, cho vay nặng lãi, uống rượu và các tội lỗi khác; iii) Một trong các dấu hiệu cho thấy sắp đến ngày phán xét cuối cùng” [Manuel Berberian, 2014: 53].

*Ayat* (câu thơ) phổ biến nhất kinh *Qur'an* dành riêng cho động đất nằm ở *surah* (chương) 99 có nhan đề “*Az-zalzalah*” (Trận động đất). *Ayat* từ câu một đến tám nói rằng động đất là dấu hiệu cho thấy ngày tận thế: “1. Khi trái đất rung chuyển bởi một cơn động đất lớn; 2. Khi trái đất trút bỏ gánh nặng của nó; 3. Và con người sẽ hỏi: ‘Chuyện gì xảy ra vậy?’; 4. Vào ngày đó trái đất sẽ kể câu chuyện của nó; 5. Bởi Rabb (Allah) của người sẽ mặc khải cho nó; 6. Vào ngày đó, nhân loại sẽ đi rời rạc từng đoàn để được chứng kiến những việc mà họ (đã làm); 7. Bất cứ ai đã làm được một việc thiện dù chỉ một chút cũng sẽ thấy điều đó!; 8. Và bất cứ ai đã làm một điều ác dù chỉ một chút cũng sẽ thấy điều đó” [Manuel Berberian, 2014: 56]. Các diễn giải tương tự về động đất cũng được tìm thấy rải rác trong các *ayat* ở những *surah* như 31/13; 15/16; 19/90; 30/21-31; 22/1-2; 31/10; 56/4-10; 67/15-16; 69/13-16; 73/14 và 77/1-10.

Bên cạnh kinh Qur'an, có rất nhiều chuyên luận và văn bản viết về Hadith và Rivayat bằng tiếng Ả Rập và tiếng Ba Tư liên quan đến các thiên tai, thảm họa tự nhiên và dấu hiệu tận thế như động đất, hạn hán, nạn đói. Theo diễn giải của những văn bản này, thiên tai là hình phạt thể hiện quyền năng của Đấng Allah tối cao dành cho những ai chống lại các mặc khải của Ngài. Chúng cũng đóng vai trò như một lời cảnh báo cho những người cùng thời với thiên sứ Muhammad, những người không nhận ra sự thật trong thông điệp của ông để hành xử phù hợp sẽ bị trừng phạt như cách người Ai Cập bị tai vạ được nói tới trong kinh thánh Cựu ước [Anna Akasoy, 2007: 393]. Đáng chú ý, bên cạnh động đất, nhật thực cũng được các tín đồ Islam giáo xem là dấu hiệu của ngày phán xét và được hiểu là một lời cảnh báo, một sự kiện mà qua đó Thượng đế Allah muốn cho con người thấy được sự hiện diện và quyền năng của Ngài. Đối với các triết gia Islam giáo thời trung đại, họ tin nhật thực là một khoảnh khắc thiêng liêng, đồng thời cũng là điềm báo cho một sự kiện hủy diệt trong tự nhiên [Anna Akasoy, 2007: 395].

Tóm lại, vào thời cổ đại và trung đại, khi sự hiểu biết khoa học về thế giới chưa hoàn toàn phát triển, nguồn gốc của mọi thiên tai và thậm chí là hầu hết các hiện tượng tự nhiên đều được quy trách nhiệm bởi các thế lực siêu nhiên, các vị thần linh tối cao trong tôn giáo cổ đại, hay các đấng sáng thế như Thiên Chúa trong đức tin Kitô và Thượng đế Allah trong Islam giáo. Thế giới được hành xử theo chủ ý của thần linh và Chúa Trời bằng những cách không thể dự đoán được, đôi khi tuân theo các quy luật tự nhiên, đôi khi lại dẫn đến các sự kiện hủy diệt như động đất, sóng thần, bão, lũ lụt, núi lửa phun trào và các thảm họa khác. Theo quan niệm tôn giáo và diễn giải thần học, chúng được gọi là những 'tệ nạn tự nhiên' trái ngược với tệ nạn đạo đức, vì 'tệ nạn tự nhiên' không liên quan đến sự lựa chọn của con người. Những điều tồi tệ xảy ra với con người khi họ tình cờ đi trên quỹ đạo chênh lệch với thế lực siêu nhiên, thần thánh mạnh mẽ nào đó. Mặc dù khoa học và những cách lý giải mang tính duy vật vẫn tồn tại, nhưng khi niềm tin tôn giáo về mọi nguyên nhân dẫn tới thiên tai luôn giữ vị thế áp đảo, khoa học dường như không có chỗ để hiểu được các vị thần và Chúa Trời giáng thảm họa xuống trừng phạt con người.

## **2. Các biện pháp ứng phó với thiên tai của tôn giáo thời cổ-trung đại**

Bên cạnh các diễn giải về nguồn gốc và nguyên nhân của thiên tai, tôn giáo cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc đưa ra các chỉ dẫn mang tính tâm linh để ứng phó với thiên tai. Bởi cùng chung một quan niệm cho rằng mọi ngọn nguồn của thiên tai đều liên quan tới các thế lực siêu nhiên, thần linh và Chúa Trời, nên những biện pháp ứng phó với thiên tai của các tôn giáo đều có những nét tương đồng.

Vào thời cổ đại, các tôn giáo ở Hy Lạp-La Mã và Trung Đông được cho là đã hình thành nhằm ứng phó với các hiện tượng tự nhiên khác nhau trong đó có thiên tai. Từ quan điểm cho rằng thiên tai xảy ra là do thần linh nổi giận và giáng tai họa xuống để trừng phạt tội lỗi của con người. Để có thể xoa dịu các vị thần cũng như ngăn chặn những thảm họa lặp đi lặp lại, trong các tôn giáo đã xuất hiện nhiều nghi lễ hiến tế khác nhau. Thực hành nghi lễ và hiến tế được xem như một phần thiết yếu của quá trình sám hối. Trong các nghi thức tế lễ, quan tư tế, thầy tế và nhà tiên tri được xem là những người có thể kết nối con người với đấng thần linh. Họ đảm trách những việc cần thiết cho tế lễ và thực hiện các hoạt động xoa dịu. Ví dụ, ở Lưỡng Hà, liên quan đến một trận động đất thời Tân Assyria, nhà tiên tri Balasî nói rằng, đó chắc chắn là một điềm xấu, nhưng thật may mắn vì các vị thần đã tạo ra những nghi lễ cần thiết để loại bỏ tai họa của trận động đất. Nhà tiên tri cũng nhấn mạnh thông điệp mà các vị thần gửi đến qua sự kiện này, theo đó, ngay cả khi tất cả các nghi lễ chống lại tai họa được thực hiện, nhà vua vẫn phải cẩn thận [Yeşim Dilek, Özge Kahya, 2023: 824].

Đối với đức tin Kitô, trong một thế giới duy tâm siêu hình, thiên tai, thảm họa vừa là mối đe dọa, song cũng là thời cơ để tuyên bố tính đúng đắn của con đường dẫn đến sự cứu rỗi, từ đó thúc đẩy sự gắn kết trong cộng đồng tôn giáo, nâng cao quyền lực của chính quyền địa phương và củng cố địa vị của Giáo hội [Elaine Fulton, 2011: 59]. Thiên tai được coi là lời kêu gọi thiêng liêng để ăn năn khẩn cấp đối với nhân loại tội lỗi, khi dấu hiệu ngày tận thế đang đến gần hơn bao giờ hết. Ở châu Âu thời trung đại và sơ kỳ cận đại, cầu nguyện vẫn là phản ứng chung khi xảy ra thiên tai, hiểm họa, mặc dù, trên thực tế đây không phải là phản

ứng chính yếu để có thể phòng chống hay ngăn ngừa thảm họa. Các ý tưởng xung tội và xây dựng các bản tuyên xưng đức tin là khía cạnh đáng chú ý về sự hợp tác chặt chẽ giữa các nhà chức trách thế tục và tôn giáo trong phản ứng với thiên tai ở châu Âu thời kỳ này. Vào thời điểm thử thách cùng cực khi thiên tai xảy ra, các giáo dân, những con chiên của Chúa cùng nhau cầu nguyện và xưng tội nhằm an ủi về tinh thần, từ đó xây dựng tinh thần đoàn kết và trung thành với Giáo hội [Elaine Fulton, 2011: 54]. Hành động thường thấy khi ứng phó với thiên tai theo cách này là đọc kinh Thánh và các văn bản tôn giáo. Những diễn giải về thiên tai trong sách *Sáng thế*, *Khải huyền* và *Phúc âm* được truyền tải thông qua các bức tranh treo tường, bản thảo, tác phẩm điêu khắc, kính màu, vở kịch và thơ ca [Christopher M. Gerrard, David N. Petley, 2013: 1060]. Người ta tin rằng nhờ vào chúng, thảm họa và phép lạ có thể đan xen với nhau. Chẳng hạn, tại tu viện Santa Maria de los Huertos ở Segovia (Tây Ban Nha), một bức chạm khắc Đức Mẹ Maria tôn kính được cho là đã xuất hiện ngay khi tu viện bị nước lũ cuốn trôi vào năm 1304; hay tại Wilsnack (Đức), vào năm 1383 ngôi đền thánh đã được bảo tồn một cách kỳ diệu trong trận hỏa hoạn thiêu rụi toàn bộ ngôi làng [Charles Zika, 1988: 25-64].

Việc xưng tội và sám hối để vượt qua thiên tai được nhắc tới nhiều nhất trong kinh Thánh là câu chuyện Chúa đã cứu xét Noah khỏi cơn đại hồng thủy, cũng như Lot và hai người con gái thoát khỏi trận hỏa hoạn thành Sodom. Một mục sư Kháng cách vào năm 1573 đã viết: “Thiên Chúa đã bị tức giận để mặc khải cho chúng ta qua các phương tiện tự nhiên và siêu nhiên, trong nước, trên Trái đất, không khí, trong các nguyên tố lửa, ngay cả trong bầu trời đầy sao, cơn thịnh nộ, lòng thương xót và các công việc kỳ diệu của Ngài, rằng trái tim sắt đá của chúng ta, bị đầu độc bởi lời khuyên đầy cám dỗ của ác quỷ, có thể sẽ mềm lòng, từ bỏ cái ác và đi đến lẽ phải” [Elaine Fulton, Penny Roberts, 2010: 74]. Do đó, những yêu cầu xưng tội và cầu nguyện thường được nhắc lại một cách mạnh mẽ mỗi khi xảy ra thiên tai. Chẳng hạn, sau trận động đất nghiêm trọng gây sóng thần nội thủy xảy ra ở miền trung Thụy Sĩ rạng sáng ngày 18/9/1601, nhà chức trách thành phố Lucerne (Luzern) đã yêu cầu cư dân phải tham gia Lễ sùng kính 40 giờ. Đây là một dạng cầu nguyện tiếp sức, theo đó, khi giờ

cầu nguyện tại một nhà thờ vừa kết thúc cũng là lúc bắt đầu giờ cầu nguyện ở một nhà thờ tiếp theo. Nghi thức này diễn ra theo chu kỳ liên tục xung quanh các nhà thờ ở Lucerne trong 40 giờ. Đặc biệt, điều quan trọng nhất của việc sùng kính 40 giờ phải bao gồm việc cầu nguyện cả ngày lẫn đêm đối với Mình Thánh Chúa. Vào cuối nghi thức, việc sùng kính sẽ đạt tới thời điểm cao nhất với việc nâng cao Mình Thánh lên bàn thờ, biểu tượng cho sự phục sinh của Thiên Chúa [Elaine Fulton, 2011: 66]. Theo nhà thần học Luther là Andreas Osiander, “Cơ đốc giáo có tục lệ tổ chức các cuộc rước kiệu và cầu nguyện chung với hy vọng làm dịu đi động đất và bão tố. Người ta phải luôn luôn cầu nguyện. Nhưng người ta nên gõ đúng cửa, đi đến giếng thật và tìm kiếm sự giúp đỡ của một mình Chúa. Các vị Thánh chết yếu đuối không giúp được gì” [Elaine Fulton, 2011: 69]. Ở một dẫn chứng khác, khi trận lũ lụt lớn xảy ra ở miền Bắc nước Đức vào năm 1634 mà quy mô và tốc độ ập đến được cho là bởi ý muốn của Chúa, việc xưng tội và cầu nguyện đã được kêu gọi là cần thiết nhằm hồi phục và ngăn ngừa lũ lụt tái phát [Bas van Bavel, 2020: 101]. Có thể thấy, các lễ cầu nguyện, cuộc rước kiệu thánh và việc tôn kính Thiên Chúa là dấu hiệu của lòng mộ đạo và đức tin Kitô ở châu Âu trong nhiều thế kỷ. Trong bối cảnh thiên tai, nó thực sự là một nghi lễ quan trọng của cộng đồng nhằm thúc đẩy việc sám hối và thanh lọc xã hội, giúp tín đồ có tinh thần vượt qua tai họa.

Một cách tiếp cận khác để phản ứng với thiên tai là kêu gọi các vị thánh ‘có quyền năng’ thực hiện phép lạ cứu rỗi. Trong đức tin Kitô, thánh Barbara và thánh Christopher có thể bảo vệ khỏi cái chết đột ngột, còn thánh Scholastica bảo vệ khỏi bị sét đánh. Vì vậy, cả ba vị thánh này đều được sùng kính phổ quát trên khắp châu Âu. Bên cạnh đó, các vị thánh địa phương cũng được tôn bái. Chẳng hạn ở Bavaria, thánh Magnus thành Füssen được cho là cứu giúp những người gặp mưa đá và sấm sét; ở Sicily, thánh Agatha theo dõi các vụ phun trào núi lửa. Chỉ riêng tại Pháp, việc cứu giúp khỏi hạn hán có thể cầu xin từ thánh Godeberta thành Noyon, thánh Honorius thành Amiens, thánh Angadrisma thành Beauvais, thánh Solange thành Bourges hoặc thánh Trophimus thành Arles. Sự phổ biến rộng rãi của niềm tin vào các vị thánh bảo trợ một phần là do phản ứng địa phương trước nguy

ơ thiên tai, một phần khác là do sự phổ biến của các thánh tích cụ thể ở mỗi nơi để tích lũy lịch sử thiêng liêng của riêng mình dù có hoặc không có sự chấp thuận của Giáo hội [Christopher M. Gerrard, David N. Petley, 2013: 1062]. Các thánh tích tại mỗi địa phương thường được trưng bày khi xảy ra hạn hán hoặc những thiên tai khác. Ví dụ, tại nhà dòng Xitô Fitero ở Navarre (Tây Ban Nha), các hộp đựng thánh tích được mang lên tháp nhà thờ để cầu nguyện các đám mây xuất hiện trên bầu trời vào những tháng mùa hè khô hạn. Khi hạn hán nghiêm trọng đe dọa Barcelona, giám mục nơi này đã chèo thuyền ra bên cảng và nhúng Thánh giá từ nhà thờ chính tòa xuống biển Địa Trung Hải. Các thánh tích và bí tích cũng được diễu hành công khai, như tại Erice ở phía Tây Sicily hoặc ở Hanover. Tất cả những màn trưng bày thánh tích này diễn ra đều nhằm để ứng phó với một cuộc khủng hoảng thiên tai cụ thể. Lễ cầu mùa (Rogation) diễn ra vào cuối tháng 4 cũng là dịp để trưng bày thánh tích. Ở Tây Ban Nha, lễ này đã phát triển từ thế kỷ XV với những “lời chúc phúc trên đồng ruộng”, trong khi ở miền nam nước Đức, Áo và Thụy Sĩ, nó nhằm bảo vệ khỏi sấm sét [Christopher M. Gerrard, David N. Petley, 2013: 1064]. Tương tự, ở Đức vào thế kỷ XVI, những đoạn mở đầu của bốn *Phúc âm* được đọc tại địa phương để bảo vệ con người khỏi bệnh dịch và thiệt hại mùa màng. Còn ở Anh, các nghiên cứu Khảo cổ học gần đây đã phát hiện trên cánh đồng sự phân bố của ampulla là những chiếc bình nhỏ chứa nước, dầu và bụi từ đèn thờ và giếng thánh. Điều này cho thấy, rất có thể chúng đã bị vứt bỏ trên đồng theo một nghi thức bảo vệ tránh tình trạng mất mùa [William Anderson, 2010: 182-203].

Bên cạnh việc cầu nguyện, xưng tội, thực hành bí tích và rước lễ thánh, ở châu Âu thời trung đại, các bùa chú cũng được sử dụng như cách thức để ngăn ngừa thiên tai, xua đuổi vận rủi. Người ta cho rằng, đốt các ngọn nến thánh hiến và cành cọ có thể ngăn chặn những cơn bão sắp xảy ra. Đáng chú ý, nhiều người tin rằng, văn tự bí hiểm có tác dụng phòng trừ tai ương hoặc cái chết đột ngột. Trong số này có những từ như IHC/HIS là ba chữ cái đầu tiên của tên Chúa Kitô bằng tiếng Hy Lạp được phiên âm sang chữ cái La Mã, INRI - viết tắt của dòng chữ Iesus Nazarenus Rex Iudaeorum (Jesus thành Nazareth,

vua dân Do Thái) trong tiếng Latin, Tetragrammaton trong tiếng Hy Lạp cổ là từ đồng nghĩa với bốn chữ cái (YHWH/YHVH) tên của Thiên Chúa trong tiếng Hebrew, ananizapta như một tên gọi khác của Chúa, và từ giả tiếng Hebrew là AGLA (Atha Gebri Leilan Adonai, nghĩa là Chúa hùng mạnh mãi mãi, Chúa ơi). Những từ này có sức mạnh nếu được nói hoặc hát, thậm chí ngay cả khi được ăn như một phương pháp dự phòng. Vì niềm tin vào khả năng của những từ này nên người ta khắc chúng trên đồ trang sức như nhẫn, trâm cài và mặt dây chuyền thời trung cổ [Christopher M. Gerrard, David N. Petley, 2013: 1060].

Niềm tin rộng rãi vào ma thuật dân gian ở châu Âu cũng nhắc tới vai trò của ‘đá sấm sét’ tức hóa thạch echinoid và các loại đá khác như mã não hoặc ngọc thạch anh, được cho là có thể xua đuổi sấm sét. Những vật liệu này cũng như các bộ phận của động vật (móng vuốt lừng, vỏ, xương), kim loại (đồng xu xô lỗ) và mẫu thực vật (hạt dẻ, quả đậu) được tạo thành bùa hộ mệnh với niềm tin rằng chúng có thể dùng để phòng trừ thiên tai, bão lụt [Martina Bagnoli, 2011: 138-139]. Một số vật phẩm mang tính biểu tượng của sự giao thoa giữa các nền văn hóa. Chuỗi hạt huyền thạch làm bùa hộ mệnh và vòng tay thủy tinh được biết đến trong Kitô giáo có nguồn gốc từ Islam giáo (‘Bàn tay của Fatima’) và Do Thái giáo ở Tây Ban Nha thời trung cổ. Hay những trang kinh Qur’an được khâu vào quần áo của những Muslim mù chữ cải đạo ở Tây Ban Nha thế kỷ XVI được cho là có tác dụng xua đuổi bệnh tật và ma quỷ [Christopher M. Gerrard, David N. Petley, 2013: 1060].

Trong bối cảnh thiên tai ở châu Âu thời trung đại và sơ kỳ cận đại, một vấn đề đáng chú ý khi đề cập đến những phản ứng mang tính tôn giáo đó là sự thù địch đối với một số nhóm xã hội hoặc cộng đồng bị quy trách nhiệm là thế lực gây ra thiên tai. Thật vậy, khi niềm tin tôn giáo vào nguồn gốc thiên tai và những cách thức phản ứng khác nhau để ngăn ngừa thảm họa đều không mang lại hiệu quả, sự tức giận và đổ lỗi bắt đầu bùng phát. Trong việc tìm kiếm vật tế thần để trừ sự tức giận, xã hội châu Âu thời kỳ này đã quy mọi trách nhiệm cho những nhóm người bị xem là phù thủy. Các nhà nghiên cứu cho rằng có một

mối tương quan đáng chú ý giữa đỉnh điểm của các cuộc đàn áp phù thủy ở châu Âu khoảng từ năm 1560 đến năm 1630 với thời kỳ đỉnh cao của biến đổi khí hậu tiểu Băng hà [Elaine Fulton, Penny Roberts, 2010: 75]. Trong khi ở các thế kỷ trước, những người dị giáo, Do Thái và bệnh hủi (phong cùi) bị buộc tội có tình tấn công và gây bất ổn cho xã hội, thì đến thế kỷ XVI và XVII, phù thủy được xem là mục tiêu buộc tội mới. Các phù thủy thời kỳ này được nhiều người cáo buộc là có khả năng thay đổi thời tiết, tạo ra thiên tai. Một tác giả ẩn danh người Đức vào năm 1590 viết rằng: “Rất nhiều loại phép thuật và ma quỷ đang chiếm thế thượng phong trong thời đại chúng ta đến nỗi gần như mọi thành phố, chợ và làng mạc trên toàn nước Đức, chưa kể các dân tộc và quốc gia khác, đều chứa đầy vô lại và đầy tớ của ma quỷ chuyên phá hủy mùa màng trên những cánh đồng mà Chúa cho phép phát triển với sự phù hộ của Ngài, với sấm sét bất thường, mưa rào, mưa đá, gió bão, sương giá, lũ lụt, chuột, sâu và nhiều thứ khác... khiến hoa quả thối rữa trên đồng ruộng, và làm tăng sự thiếu hụt sinh kế của con người bằng cách khiến gia súc, bò, bê, ngựa, cừu và những loài khác hư hỏng. Họ sử dụng tất cả sức mạnh không chỉ để chống lại hoa quả của đồng ruộng và gia súc, mà đúng vậy, thậm chí không tha cho họ hàng ruột thịt, những người bị giết với số lượng lớn” [Wolfgang Behringer, 1995: 9-10].

Với các cộng đồng từ năm này qua năm khác bị mất mùa do thiên tai và khí hậu khắc nghiệt, việc tìm ra một thế lực ‘độc ác’ bên ngoài để đổ tội, đàn áp và cuối cùng là giết chết trở thành cái cớ để ngăn chặn tai họa. Trên khắp châu Âu thời bấy giờ, cái gọi là ‘con sói phù thủy’ đã bao trùm mạnh mẽ ở Đức, Thụy Sĩ, Áo, Anh và Scotland, dẫn đến việc hành quyết khoảng 10.000 nạn nhân. Phần lớn, trong số họ là phụ nữ với tội trạng cáo buộc không gì khác ngoài việc không ‘hòa nhập’ một cách thỏa đáng với đời sống của giáo xứ và cộng đồng địa phương. Trong bối cảnh tàn khốc của những cuộc thanh trừng này, tại công quốc Westphalia và thành phố Cologne, có tới 2000 người bị thiêu sống như phù thủy sau năm 1626. Mức độ đàn áp như vậy đôi khi còn diễn ra dưới sự bảo trợ của tổng giám mục địa phương là Ferdinand của Bavaria (1579-1650). Điều này cho thấy rằng, đôi khi ngay cả các lãnh đạo tôn giáo thời đó cũng thấy việc đổ lỗi cho người

khác về nguồn gốc thiên tai và thảm họa để hơn là nghe theo các lời khuyên trong bài giảng thánh kinh và tìm cách khắc phục hành vi tội lỗi của chính mình [Elaine Fulton, Penny Roberts, 2010: 76].

Tuy nhiên, ngoài những niềm tin huyền hoặc rằng thiên tai là do thế lực siêu nhiên gây ra, vẫn còn một số nhận thức tích cực trong phản ứng của người dân châu Âu thời kỳ này. Các nhà Sử học cho rằng, xã hội trong quá khứ không bắt lực khi đối mặt với nỗi sợ hãi, có rất nhiều điều có thể làm để xoa dịu nỗi sợ hãi và mọi người không bị tê liệt bởi nó [William G. Naphy, Penny Roberts, 1997: 6]. Một dẫn chứng điển hình là trận lũ lụt năm 1570 tàn phá vùng đất thấp đã dẫn tới sự chia rẽ sâu sắc về tôn giáo trong khu vực. Những người Tây Ban Nha theo Công giáo ám chỉ trận lũ lụt là sự phán xét của Chúa đối với những người theo chủ nghĩa Calvin, trong khi người Hà Lan theo chủ nghĩa Calvin cho rằng người Tây Ban Nha Công giáo mới là mục tiêu chính của cơn thịnh nộ thần thánh. Trong khi đó vào năm 1644, Martin Boxhorn cho rằng trên thực tế lũ lụt năm 1570 không phải do cơn thịnh nộ của Chúa mà là do sự quản lý yếu kém của chính quyền Tây Ban Nha. Họ đã chuyển nguồn lực từ việc xây dựng và sửa chữa đê điều để tham gia vào các cuộc chiến tranh tốn kém [Elaine Fulton, Penny Roberts, 2010: 77].

Những nhận thức mang tính thực tế như trên được xem là phản ứng ‘thế tục’ và ‘tự lực’ nhằm ngăn chặn và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, thảm họa gây ra. Mặc dù vậy, trong bối cảnh xã hội châu Âu thời trung đại và sơ kỳ cận đại, những phản ứng thế tục này không thể giải quyết hoàn toàn được vấn đề khủng hoảng. Nhà thờ địa phương, bất kể màu sắc xung tội của nó, vẫn là trung tâm của cộng đồng thời kỳ này, thường đóng vai trò nòng cốt trong việc ban hành và thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai và hàng loạt thảm họa khác. Sau mỗi thiên tai, nhà thờ một lần nữa lại là trung tâm viện trợ chính cho những người bị nạn. Không chỉ vậy, xét về khía cạnh tinh thần, những lễ cầu nguyện, xưng tội và rước kiệu thánh tuy trên thực tế có vẻ vô ích nhưng lại mang tới sự an ủi về tâm hồn cho những người tham gia. Đồng thời, nó còn góp phần gắn kết toàn bộ cộng đồng vào thời điểm mà sự đoàn kết để tồn tại rất quan trọng [Elaine Fulton, Penny Roberts, 2011: 78].

Như vậy, trong tư duy và nhận thức của xã hội châu Âu thời Trung cổ, thiên tai, thảm họa và các biến cố tự nhiên được quan niệm là sự trừng phạt của Chúa. Vì lý do này, các hành động mang tính tâm linh như đã phân tích đã được thực hành để ngăn chặn thiên tai tương tự tái diễn. Nó đã giữ vai trò quan trọng trong đời sống xã hội châu Âu xuyên suốt thời kỳ này.

Đối với đức tin Islam giáo, trong phản ứng với thiên tai, chủ yếu là động đất, các Muslim cũng tìm thấy vai trò bảo vệ của Thượng đế Allah để giúp nạn nhân vượt qua thử thách, tai ương. Để có được sự bảo trợ từ Thượng đế, các tín đồ được khuyến răn không nên từ bỏ nhiều điều tốt đẹp và việc thiện chỉ vì việc xấu nhỏ nhất. Nói cách khác, làm một điều ác cũng có thể dẫn tới tai họa và sự trừng phạt của Thượng đế. Nhà triết học Ibn Sina (Avicenna) trong chuyên luận 'Kanz al-Masa'il' đã viết: “Để trả lời hai câu hỏi có thể liên quan đến động đất và nguồn gốc của nó: Câu hỏi đầu tiên là nguyên nhân gây ra động đất. Câu hỏi thứ hai là các triết gia cho rằng cái gì tồn tại là tốt, còn cái ác là vấn đề không tồn tại. Làm sao điều này có thể xảy ra khi động đất giết chết một số lượng lớn trẻ em và người dân vô tội; và tại sao Thượng đế chấp nhận điều này mà không ngăn cản nó xảy ra? Bây giờ sau nhiều năm, nếu đột nhiên ở một góc của trái đất xảy ra một trận động đất và ít người với động vật chết, điều này không thể so sánh được với vô số lòng tốt và phúc lành mà Thượng đế ban tặng. Vì vậy, nếu Thượng đế toàn năng từ bỏ tất cả những điều tốt đẹp này chỉ vì một điều ác nhỏ nhất, thì Ngài không nên tạo ra con người, động vật, trái đất và nước từ hư không. Đó là lý do vì sao các triết gia nói rằng việc từ bỏ nhiều điều tốt đẹp để lấy một điều ác nhỏ nhất là một tai họa lớn” [Manuel Berberian, 2014: 62].

Tóm lại, ở khu vực Trung Đông và châu Âu thời cổ-trung đại, nhận thức về nguồn gốc và nguyên nhân dẫn tới thiên tai đã ảnh hưởng rất lớn đến các biện pháp, cách thức ứng phó thiên tai. Do quan niệm thiên tai, thảm họa là sự trừng phạt của thần linh và Chúa Trời, nên việc xoa dịu cơn thịnh nộ bằng cách tiếp cận với thế lực siêu nhiên thông qua các nghi lễ tôn giáo là điều hợp lý. Mặc dù từ góc độ thế tục, người ta nghĩ rằng cách ứng phó thiên tai mang tính tâm linh như vậy

không hiệu quả, song các nghi lễ tôn giáo lại có ý nghĩa rất lớn về tinh thần. Đó là sự chữa lành, an ủi tâm trí và tạo hy vọng cho những nạn nhân trải qua thiên tai. Sức mạnh tinh thần đôi khi còn vượt lên trên và quyết định cả vật chất.

### **Kết luận**

Có thể thấy, quan niệm tôn giáo về thiên tai luôn mang tính hai mặt, có sự liên kết chặt chẽ với nhau, một mặt diễn giải nguồn gốc, nguyên nhân của thiên tai, mặt khác đưa ra các chỉ dẫn về cách thức ứng phó với thiên tai. Đặc điểm này xuất phát từ yếu tố nhị nguyên của các vị thần trong hệ thống tôn giáo đa thần lẫn độc thần. Theo đó, các vị thần luôn mang hai mặt nhân từ và thịnh nộ. Đó là nguồn gốc của sự cứu rỗi và cả tai họa. Trong đức tin Kitô giáo và Islam giáo, Thiên Chúa và Thượng đế Allah là đáng rất mực độ lượng, nhân từ và khoan dung, song cũng rất nghiêm khắc. Thiên tai, thảm họa được xem là sự trừng phạt của thần thánh đối với tội lỗi của con người, nhưng thần thánh đồng thời cũng là lực lượng diệt trừ thiên tai, bảo vệ con người<sup>6</sup>.

Những quan niệm tôn giáo về nguồn gốc thiên tai cùng với cách thức ứng phó thiên tai vào thời cổ - trung đại rất khác so với ngày nay. Về phương diện tâm lý, những quan niệm và diễn giải thần học đó có thể đã giúp những người bị tổn thương sau thảm họa thiên nhiên giảm bớt căng thẳng, hình thành khả năng phục hồi cá nhân và kiểm soát chấn thương mà không cần bất kỳ sự trợ giúp vật chất nào khác. Tuy nhiên, về cơ bản, những quan niệm tâm linh, huyền hoặc đã ngăn cản người dân nhận thức được nguyên nhân thực sự gây ra thiên tai và thảm họa để từ đó có sự chuẩn bị ứng phó thiên tai lâu dài với các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro. Vì vậy, hậu quả bi thảm của thiên tai đã trở thành vòng luẩn quẩn tái diễn trong suốt thời cổ-trung đại [Manuel Berberian, 2014: 75]./.

---

### **CHÚ THÍCH:**

- 1 Sách *Khải huyền* 6: 12-14. Theo sách *Khải huyền* 8: 5, việc mở ấn thứ bảy cũng sẽ kèm theo “những sấm sét, tiếng ầm ầm, chớp nhoáng và động đất”.
- 2 Sách Phúc âm Matthew 24: 5-8.
- 3 Về đại dịch cái chết đen, xem thêm bài viết Lư Vĩ An (2020) “Về các trận đại dịch hạch ở châu Âu thời Trung cổ”, *Nghiên cứu châu Âu*, số 240, tr.47-58.

- 4 Về thời kỳ Tiều Băng hà và những tác động đối với lịch sử nhân loại, xem bài viết Lu Vĩ An (2019) “Ảnh hưởng của khí hậu đối với các nền văn minh trong lịch sử”, *Thông tin Khoa học Xã hội*, số 434, tr.51-57.
- 5 Friedrich Nausea (1580), *A bright burning beacon forewarning all wise virgins to trim their lampes against the coming of the Bridegroom. Containing a generall doctrine of sundrie signes and wonders, specially earthquakes both particular and generall: a discourse of the end of this world: a commemoration of our late earthquake, the 6. of April, about 6. of the clocke in the evening 1580. And a praier for the appeasing of Gods wrath and indignation*, London, Henrie Denham, chapter 3.
- 6 Dẫn lại từ bài viết Lu Vĩ An (2021) “Niềm tin tôn giáo và các dịch bệnh trong lịch sử”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 208, tr.15.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alexandra Walsham (1999), *Providence in Early Modern England*, Oxford University Press, Oxford. [Alexandra Walsham (1999), *Sự quan phòng ở Anh thời sơ kỳ cận đại*, Nxb. Đại học Oxford, Oxford].
2. Andrew B. Appleby (1980), “Epidemics and Famine in the Little Ice Age”, *Journal of Interdisciplinary History*, 10 (4), pp.643-663. [Andrew B. Appleby (1980), “Các dịch bệnh và nạn đói thời kỳ Tiều Băng hà”, *Tạp chí Lịch sử liên ngành*, 10 (4), tr.643-663].
3. Anna Akasoy (2007), “Islamic Attitudes to Disasters in the Middle Ages: A Comparison of Earthquakes and Plagues”, *The Medieval History Journal*, 10 (1-2), pp.387-410. [Anna Akasoy (2007), “Thái độ của Islam giáo đối với các thảm họa thời Trung cổ: So sánh giữa động đất và dịch bệnh”, *Tạp chí Lịch sử Trung cổ*, 10 (1-2), tr.387-410].
4. Bas van Bavel - et al. (2020), *Disasters and History: The Vulnerability and Resilience of Past Societies*, Cambridge University Press, Cambridge. [Bas van Bavel và các tác giả. (2020), *Thảm họa và lịch sử: Sự tổn thương và khả năng phục hồi của các xã hội trong quá khứ*, Nxb. Đại học Cambridge, Cambridge].
5. C. Scott Dixon (1999), “Popular Astrology and Lutheran Propaganda in Reformation Germany”, *History*, 84 (3), pp.403-418. [C. Scott Dixon (1999), “Sự phổ biến chiêm tinh và tuyên truyền Luther ở nước Đức Kháng cách”, *Tạp chí Lịch sử*, 84 (3), tr.403-418].
6. Charles Zika (1988), “Host, Processions and Pilgrimages: Controlling the Sacred in Fifteenth-century Germany”, *Past & Present*, 118 (1), pp.25-64. [Charles Zika (1988), “Bánh thánh, rước kiệu và các cuộc hành hương: Sự kiểm soát thần thánh ở nước Đức thế kỷ XV”, *Quá khứ và Hiện tại*, 118 (1), tr.25-64].
7. Christian Pfister (2007), “Climatic Extremes, Recurrent Crises and Witch Hunts: Strategies of European Societies in Coping with Exogenous Shocks in the Late Sixteenth and Early Seventeenth Centuries”, *The Medieval History Journal*, 10 (1/2), pp.33-73. [Christian Pfister (2007), “Khí hậu cực đoan, khủng hoảng tái diễn và săn lùng phù thủy: Chiến

- lược của xã hội châu Âu trong ứng phó với các cú sốc ngoại sinh cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII”, *Tạp chí Lịch sử Trung cổ*, 10 (1/2), tr.33-73].
8. Christian Pfister, Rudolf Brázdil (1999), “Climatic Variability in Sixteenth Century Europe and its Social Dimension: A Synthesis”, *Climatic Change*, 43 (1-2), pp.5-53. [Christian Pfister, Rudolf Brázdil (1999), “Biến đổi khí hậu ở châu Âu thế kỷ XVI và chiều kích xã hội của nó: Một tổng luận”, *Biến đổi khí hậu*, 43 (1-2), tr.5-53].
  9. Christopher M. Gerrard, David N. Petley (2013), “A Risk Society? Environmental Hazards, Risk and Resilience in the Later Middle Ages in Europe”, *Natural Hazards*, 69, pp.1051-1079. [Christopher M. Gerrard, David N. Petley (2013), “Một xã hội rủi ro?: Hiểm họa môi trường, rủi ro và khả năng phục hồi ở châu Âu hậu kỳ Trung cổ”, *Tạp chí Hiểm họa môi trường*, 69, tr.1051-1079].
  10. D. Grandjean, A. C. Rendu, T. MacNamee, K. R. Scherer (2008), “The Wrath of the Gods: Appraising the Meaning of Disaster”, *Social Science Information*, 47/2, pp.187-204. [D. Grandjean, A. C. Rendu, T. MacNamee, K. R. Scherer (2008), “Sự phẫn nộ của các thần linh: Đánh giá ý nghĩa của thảm họa”, *Thông tin Khoa học Xã hội*, 47/2, tr.187-204.].
  11. Dónal P. O’Mathúna (2018), “Christian Theology and Disasters: Where is God in All This?”, *Disasters: Core Concepts and Ethical Theories*, Dónal P. O’Mathúna, Vilius Dranseika, Bert Gordijn (eds.), Springer, pp.27-42. [Dónal P. O’Mathúna (2018), “Thần học Kitô và những thảm họa: Thiên Chúa ở đâu trong tất cả điều này?”, *Thảm họa: Khái niệm cốt lõi và lý thuyết đạo đức*, Dónal P. O’Mathúna, Vilius Dranseika, Bert Gordijn (eds.), Springer, tr.27-42].
  12. E. Mandacı (2020), “Asur Devleti’nde Doğal Afetler ve Doğal Afet Algısı”, *Trakya Üniversitesi Sosyal Bilimler Dergisi*, 22/1, s.99-116. [E. Mandacı (2020), “Thiên tai và nhận thức về thiên tai ở nhà nước Assyria”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Đại học Trakya*, 22/1, tr.99-116].
  13. Elaine Fulton (2011), “Acts of God: The Confessionalization of Disaster in Reformation Europe”, in Andrea Janku, Gerrit Schenk, Franz Mauelshagen (eds.), *Historical Disasters in Context: Science, Religion, and Politics*, Routledge, New York, pp.54-74. [Elaine Fulton (2011), “Hành động của Chúa: Sự tuyên tín hóa về thảm họa ở châu Âu Kháng cách”, trong Andrea Janku, Gerrit Schenk, Franz Mauelshagen (eds.), *Lịch sử thảm họa trong bối cảnh: Khoa học, Tôn giáo và Chính trị*, Routledge, New York, tr.54-74].
  14. Elaine Fulton, Penny Roberts (2010), “The Wrath of God: Explanations of Crisis and Natural Disaster in Pre-modern Europe”, in Mark Levene, Rob Johnson and Penny Roberts (eds.), *History at the End of the World?: History, Climate Change and the Possibility of Closure*, Penrith, Humanities-Ebooks, pp.67-79. [Elaine Fulton, Penny Roberts (2010), “Sự thịnh nộ của Chúa: Lý giải về khủng hoảng và thiên tai ở châu Âu thời

- tiền cận đại”, trong Mark Levene, Rob Johnson and Penny Roberts (eds.), *Lịch sử ở ngày tận thế? Lịch sử, Biến đổi khí hậu và Khả năng của sự kết thúc*, Penrith, Humanities-Ebooks, tr.67-79].
- 15.Homer (1990), *The Iliad*, Viking Publisher, New York. [Homer (1990), *Sử thi Iliad*, Nxb. Viking, New York].
- 16.Manuel Berberian (2014), “Earthquakes and Religious Thoughts”, *Developments in Earth Surface Processes*, Vol. 17, pp.43-76. [Manuel Berberian (2014), “Động đất và các tư tưởng tôn giáo”, *Sự phát triển ở các quá trình của bề mặt Trái Đất*, Vol. 17, tr.43-76].
- 17.Martina Bagnoli (2011), “The Stuff of Heaven: Materials and Craftsmanship in Medieval Reliquaries”, *Treasures of Heaven: Saints, Relics, and Devotion in Medieval Europe*, Martina Bagnoli, Holger A. Klein, Charles Griffith Mann (eds.), British Museum Press, London, pp.137-148. [Martina Bagnoli (2011), “Chất liệu của Thiên đường: Vật liệu và sự khéo léo trong các thánh tích Trung cổ”, *Báu vật của Thiên đường: Các vị thánh, thánh tích và lòng mộ đạo ở châu Âu thời Trung cổ*, Martina Bagnoli, Holger A. Klein, Charles Griffith Mann (eds.), Nxb. Bảo tàng Anh, London, tr.137-148].
- 18.Michael Kempe (2003), “Noah’s Flood: The Genesis Story and Natural Disasters in Early Modern Times”, *Environment and History*, Vol. 9, pp.151-171. [Michael Kempe (2003), “Trận lụt của Noah: Câu chuyện về Sáng Thế ký và các thiên tai thời sơ kỳ cận đại”, *Môi trường và Lịch sử*, Vol. 9, tr.151-171].
- 19.Robert Scribner (1997), “Reformation and Desacralisation: From Sacramental World to Moralised Universe,” *Problems in the Historical Anthropology of Early Modern Europe*, R. Po-Chia Hsia, R. W. Scribner (eds.), Harrassowitz, Wiesbaden, pp.75-92. [Robert Scribner (1997), “Kháng cách và giải thiêng: Từ thế giới bí tích đến vũ trụ được đạo đức hóa,” *Các vấn đề trong nhân học lịch sử châu Âu thời sơ kỳ cận đại*, R. Po-Chia Hsia, R. W. Scribner (eds.), Harrassowitz, Wiesbaden, tr.75-92].
- 20.Rosa Agizza (2001), *Antik Yunanda Mitoloji*, Arkeoloji ve Sanat Yayınları, İstanbul. [Rosa Agizza (2001), *Thần thoại Hy Lạp cổ đại*, Nxb. Khảo cổ và Nghệ thuật, İstanbul].
- 21.William Anderson (2010), “Blessing the Fields? A Study of Late-medieval Ampullae from England and Wales”, *Medieval Archaeology*, 54 (1), pp.182-203. [William Anderson (2010), “Phước lành cho các cánh đồng? Một nghiên cứu về các bình Ampullae ở Anh và Wales thời hậu kỳ Trung cổ”, *Khảo cổ học Trung cổ*, 54 (1), tr.182-203].
- 22.William G. Naphy, Penny Roberts (1997), *Fear in Early Modern Society*, Manchester University Press. [William G. Naphy, Penny Roberts (1997), *Nỗi sợ hãi trong xã hội thời sơ kỳ cận đại*, Nxb. Đại học Manchester].

23. Wolfgang Behringer (1995), “Weather, Hunger and Fear: Origins of the European Witch Hunts in Climate, Society and Mentality”, *German History*, 13 (1), pp.1-27. [Wolfgang Behringer (1995), “Khí hậu, nạn đói và nỗi sợ hãi: Nguồn gốc của các cuộc săn lùng phù thủy ở châu Âu về khí hậu, xã hội và tâm lý”, *Lịch sử Đức*, 13 (1), tr.1-27].
24. Yeşim Dilek, Özge Kahya (2023), “Flood and Earthquake as Punishment of Gods in Antiquity”, *Journal of Disaster and Risk*, 6 (3), pp.819-828. [Yeşim Dilek, Özge Kahya (2023), “Lũ lụt và động đất như hình phạt của Thượng đế thời cổ đại”, *Tạp chí Thảm họa và Rủi ro*, 6 (3), tr.819-828].

## Abstract

### RELIGIOUS PERCEPTIONS OF NATURAL DISASTERS IN THE ANTIQUITY AND MIDDLE AGES

**Lu Vi An**

*Istanbul University, Türkiye*

In the Middle East and Europe during the Antiquity and Middle Ages, natural disasters for instance floods and earthquakes frequently occurred, causing negative impacts on social life. As a result of a limited understanding of the origin and causes of natural disasters, the theological interpretations of the natural disasters' origin according to the viewpoint of religions played a prominent role in explaining the root of natural disasters. In the Antiquity Age, the Middle Ages, and the Early Modern Age, religious perceptions believed that the emergence of natural disasters was caused by the punishment of God and Allah for human sins, or by other supernatural forces. Theological interpretations of natural disasters' origin instruct people on how to respond to natural disasters. This article researches the perceptions of some religions in Mesopotamia, ancient Greece, medieval Christianity, and Islam in explaining the cause of natural disasters. Alongside this issue, the article also reviews the ways that religions proposed to respond to natural disasters during this period.

**Keywords:** Natural disasters, flood, earthquake, religious belief, Christianity, Islam